



sè sù
色素

noun · pigment, coloring agent

Example Sentences

zhè zhǒng yǐn liào hán yǒu rén gōng sè sù
这种饮料含有人工色素。

This drink contains artificial coloring.

pí fū zhōng de sè sù jué dìng fū sè
皮肤中的色素决定肤色。

The pigment in the skin determines skin color.

Trace each character, then write the word on your own.

色	色	色	色	色	色	色	色	色		
素	素	素	素	素	素	素	素	素	素	素
素	素									